

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST.
Ngày 30/01/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Đoàn Thị Duyên;
 2. Bà Bùi Thị Ngoan.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Minh B, sinh năm 1968.

Tên gọi khác: Trịnh Văn B.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Duy T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ Trần Thị Bình; có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Từ năm 1986 đến năm 1989, tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Sư đoàn 323, Quân khu 3 tại Hải Hà, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Từ năm 1997 đến ngày 10/10/2021 được tuyển dụng làm cán bộ Công chức địa chính thuộc UBND xã Trà Giang. Từ ngày 11/10/2021 đến nay, chuyển đổi vị trí công tác làm Công chức địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường thuộc UBND xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương. Bị cáo bị bắt tạm giam theo lệnh bắt bị cáo số 09 ngày 07/6/2023. Hiện đang được áp dụng biện pháp bảo lãnh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Bị hại:***

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1950. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều trú tại: thôn D, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bà Lại Thị O, sinh năm 1949. (vắng mặt)

Trú tại: thôn Na, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Trú tại: thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

** Người làm chứng:*

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982. (vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Ông Đinh Văn T, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Trú tại: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 21/4/1993, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Trà Giang, huyện Kiến Xương có biên bản bàn giao tài sản và chuyển quyền sử dụng đất cho các hộ dân có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương gồm: bà Bùi Thị N (năm 2001 bà N chuyển nhượng thửa đất cho chị Nguyễn Thị T sinh năm 1975); ông Vũ Xuân T (năm 1998 ông T chuyển nhượng lại thửa đất cho ông Nguyễn Văn L sinh năm 1964); bà Nguyễn Thị M; gia đình bà Lê Thị M và ông Trịnh Minh T đối với các thửa đất lần lượt là 41, 42, 43, 44 tờ bản đồ số 19, các thửa đất đều có địa chỉ tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương. Thời điểm từ năm 2019 đến năm 2021, hộ gia đình ông T, ông L, chị T, bà M đã nhiều lần đến UBND xã Trà Giang yêu cầu hướng dẫn làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất (viết tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với các thửa đất trên. Chủ tịch UBND xã Trà Giang đã chỉ đạo Trịnh Minh B là công chức cấp xã, giữ chức danh cán bộ địa chính thuộc Ủy ban nhân dân xã Trà Giang có trách nhiệm hướng dẫn, lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trên. Mặc dù nguồn gốc đất của các hộ dân trên đều đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên Bằng lấy lý do khó khăn như các thửa đất trên có sai sót về số liệu, lộ giới hành chính chưa rõ ràng nên Bằng không hướng dẫn các hộ dân làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 9/2021, hộ gia đình ông T, bà Mai, chị T, ông L thống nhất để chị T đến gặp Bằng hỏi về thủ tục, chi phí làm hồ sơ đề nghị cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị T đến UBND xã Trà Giang gặp Bằng, Bằng nói để làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mỗi gia đình phải đưa cho B số tiền 15.000.000 đồng, nếu nhất trí thì B làm. B yêu cầu tiền làm hồ sơ đưa làm hai lần, lần đầu mỗi gia đình đưa trước 5.000.000 đồng, sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đưa thêm 10.000.000 đồng. Sau khi thống nhất, mỗi hộ gia đình ông T, ông L, bà M đã đưa cho chị T 5.000.000 đồng, chị T đến UBND xã Trà Giang gặp Bằng và đưa cho B số tiền 20.000.000 đồng của cả bốn hộ gia đình. Sau khi nhận tiền của chị T, B lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho bốn hộ dân trên.

Ngày 04/10/2021, UBND huyện Kiến Xương có Quyết định số 3036 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với B từ cán bộ địa chính xã Trà Giang về làm cán bộ địa chính tại UBND xã Thanh Tân kể từ ngày 11/10/2021 và có trách nhiệm bàn giao công việc cho ông Đinh Văn T sinh năm 1967, trú tại thôn A, xã T là cán bộ địa chính xã Trà Giang từ ngày 11/10/2021. Do hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T, ông L, bà M, chị T vẫn chưa làm xong nên B không bàn giao 04 hồ sơ trên cho ông T, mà tiếp tục giữ lại làm đến đầu tháng 12/2021 mới hoàn thiện hồ sơ. Do tháng 12/2021, B không còn là cán bộ địa chính xã Trà Giang nên B mang 4 bộ hồ sơ trên đến UBND xã Trà Giang nhờ ông T kiểm tra và ký xác nhận phần cán bộ địa chính xã Trà Giang vào các tài liệu, biên bản trong hồ sơ và trình Chủ tịch UBND xã Trà Giang ký xác nhận. Sau khi ông T ký các thủ tục xác nhận xong thì chuyển lại 4 bộ hồ sơ trên cho B. Ngày 25/01/2022, B mang 04 bộ hồ sơ trên đến bộ phận một cửa của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương nộp. Khi có thông báo về việc nộp phí thẩm định hồ sơ và nộp thuế, B nhận thông báo rồi tự mình đóng khoản tiền lệ phí thẩm định hồ sơ và đến Kho bạc nhà nước nộp tiền thuế cho bốn hộ gia đình trên, cụ thể: Hồ sơ của hộ chị T nộp 1.221.752 đồng, hồ sơ của ông T nộp 2.191.576 đồng, hồ sơ của bà M nộp tổng số tiền 1.515.993 đồng, hồ sơ của ông Lĩnh nộp tổng số tiền 2.151.016 đồng. Ngày 08/8/2022, khi biết thông tin đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ chị T và hộ ông L, Bằng đã đến nhà ông L, chị T thu mỗi gia đình số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, B nhờ ông T đến bộ phận một cửa Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương nhận và đưa lại cho chị T, ông L. Ngày 19/8/2022, B đến bộ phận một cửa Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Mai, ông Thuyên, sau đó mang đến nhà đưa cho ông T, bà M rồi thu của gia đình ông T, bà M mỗi gia đình 10.000.000 đồng. Tổng số tiền 60.000.000 đồng B thu của bốn hộ dân, B đã nộp phí thẩm định hồ sơ và nộp thuế hết 7.080.337 đồng.

Số tiền còn lại là 52.919.663 đồng, B đã giữ lại và chi tiêu cá nhân hết 22.919.663 đồng.

Quá trình điều tra, Trịnh Minh B khai nhận còn có hành vi thu tiền của anh Trần Văn H, trú tại thôn T, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và bà Lại Thị O, trú tại thôn N, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình để làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H và bà O. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 21/4/1993, UBND xã Trà Giang có quyết định bàn giao tài sản và chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 20, diện tích 91m² tại thôn Diêm Dương Đông, xã Trà Giang cho hộ gia đình ông Trịnh Khắc T và bà Trịnh Thị Đ, trú tại thôn N, xã Trà Giang. Năm 2020, ông Trương, bà Đ chuyển nhượng thửa đất trên cho anh Trần Văn H. Tháng 7/2021, anh H có nhu cầu đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, H đến UBND xã Trà Giang gặp Trịnh Minh B để hỏi thủ tục làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất trên. Bằng yêu cầu anh H phải nộp chi phí làm hồ sơ là 10.000.000 đồng, anh H đồng ý và đã đưa cho B số tiền 10.000.000 đồng tại phòng làm việc của B. Sau khi hoàn thiện các thủ tục, ngày 06/8/2021 B đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương nộp hồ sơ. Khi có thông báo nộp thuế và lệ phí trước bạ, B thông báo cho H và yêu cầu H đưa cho B số tiền 6.000.000 đồng để nộp thuế, H đồng ý. B đến Kho bạc nhà nước nộp thuế và lệ phí trước bạ hết tổng số tiền 6.357.375 đồng. Tháng 10/2021, B đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trịnh Khắc T và bà Trịnh Thị Đ, nộp lệ phí thẩm định hồ sơ là 280.000 đồng rồi mang về đưa lại cho H. Lúc này, H tự nguyện đưa cho B số tiền 2.000.000 đồng, mục đích để cảm ơn Bằng. Tổng số tiền Bằng thu của Trần Văn H là 18.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng H cảm ơn B. Còn lại 16.000.000 đồng, Bằng đã chi phí nộp thuế, lệ phí trước bạ và lệ phí thẩm định hồ sơ là 6.637.375 đồng, số tiền 9.362.625 đồng còn lại B giữ lại và chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Ngày 11/10/2021, Trịnh Minh B chuyển công tác về làm cán bộ địa chính xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương. Tháng 04/2022, hộ gia đình bà Lại Thị O có nhu cầu đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 444B, tờ bản đồ số 13, diện tích 145,9m² có địa chỉ tại thôn Nam Lâu, xã Thanh Tân, huyện Kiến Xương. Bà O đến UBND xã Thanh Tân gặp B hỏi thủ tục làm hồ sơ, B yêu cầu chi phí làm hồ sơ 30.000.000 đồng, bà O đồng ý. Ngày 16/4/2022, B đến nhà bà O, tại đây, bà O đưa cho bằng số tiền 30.000.000 đồng để làm chi phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, B nhận tiền và viết giấy biên nhận tiền và ký tên, sau đó đưa cho bà O giữ. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, ngày

05/12/2022, B đến Văn phòng đăng kí đất đai huyện Kiến Xương nộp hồ sơ, khi có thông báo nộp thuế, lệ phí trước bạ thì B thông báo cho bà O tự đi nộp. Ngày 15/3/2023, Bằng đến Văn phòng đăng kí đất đai huyện Kiến Xương nộp lệ phí thẩm định hồ sơ 350.000 đồng và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Quang H và bà Lại Thị O, rồi mang về nhà bà O đưa lại cho bà O. Tổng số tiền Bằng thu của bà O là 30 triệu đồng, Bằng đã nộp lệ phí thẩm định hồ sơ là 350.000 đồng. Số tiền còn lại là 29.650.000 đồng B giữ lại và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Minh B và gia đình đã tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra và 23.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương để khắc phục một phần hậu quả. Những người bị hại là chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Lĩnh, bà Nguyễn Thị M, ông Trịnh Minh T, bà Lại Thị O yêu cầu bị can Bằng phải trả lại số tiền mà bị cáo Bằng đã chiếm đoạt. Anh Trần Văn H không yêu cầu bị cáo Bằng phải trả lại số tiền Bằng đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 02/CT - VKSKX ngày 18/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trịnh Minh B về tội danh và điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Minh B phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh B từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, trừ đi thời gian tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại số tiền 30.000.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt của 04 hộ gia đình chị Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị M; ông Trịnh Minh T, đều trú tại thôn Diệm Dương Đ, xã T, huyện K, mỗi người 7.500.000 đồng.

+ Đối với số tiền 23.000.000 đồng bị cáo Bằng tự nguyện giao nộp vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương đề nghị trả lại cho bà Lại Thị O, trú tại thôn Na, xã T, huyện Kiến Xương.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Minh B phải tiếp tục bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của 05 hộ gia đình, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T sinh năm 1975, trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 6.278.248 đồng.

+ Bồi thường cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964, trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 5.348.984 đồng.

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950, trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 5.984.007 đồng.

+ Bồi thường cho ông Trịnh Minh T, sinh năm 1950, trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 5.308.424 đồng.

+ Bồi thường cho bà Lại Thị Oanh, sinh năm 1949, trú tại thôn, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 6.650.000 đồng.

+ Anh Trần Văn H không yêu cầu bị cáo Bằng phải trả lại số tiền Bằng đã chiếm đoạt, do đó cần chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công bố các tài liệu có trong hồ sơ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại cơ quan điều tra bị cáo Trịnh Minh B khai nhận: Trong thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 4/2022 là công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường thuộc UBND cấp xã, mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ thu tiền để làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng với động cơ, mục đích vụ lợi, bị cáo đã thu tiền của các hộ gia

đình chị Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị Mai; ông Trịnh Minh T, đều trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương; bà Lại Thị O, trú tại thôn N, xã T, huyện Kiến Xương và anh Trần Văn H, trú tại thôn T, xã Q, huyện Kiến Xương để làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trên và chiếm đoạt tổng số tiền 91.932.288 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với: Đơn tố giác của người dân xã Trà Giang, huyện Kiến Xương đề ngày 10/4/2023; Đơn trình bày, lời khai của những người bị hại là chị Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị M; ông Trịnh Minh T, đều trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương; bà Lại Thị Oanh, trú tại thôn N, xã Th, huyện Kiến Xương và anh Trần Văn H, trú tại thôn T, xã Q, huyện Kiến Xương; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Phạm Thị H, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu do Công an huyện Kiến Xương lập ngày 03/5/2023; Bản kết luận giám định số 816/KL-KTHS ngày 06/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Giấy biên nhận tiền đề ngày 16/4/2022 có chữ ký, chữ viết tên Trịnh Văn B; Các biên bản làm việc do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập trong các ngày: 17/5, 18/5, 12/10, 13/10, 16/10, 27/10/2023 và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

1.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

.....

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng đến an ninh trật xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh tương xứng

với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người có thành tích xuất sắc trong công tác; có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Ngoài hình phạt tù điều luật còn quy định: Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử thấy bị cáo đã nộp khoản tiền đã chiếm đoạt để bồi thường nên không áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Minh B và gia đình đã tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra và 23.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương để khắc phục một phần hậu quả. Những bị hại chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M, ông Trịnh Minh T, bà Lại Thị O yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Nay cần trả lại cho người bị hại cụ thể:

+ Trả lại chị Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị M; ông Trịnh Minh T mỗi người 7.500.000 đồng trong số tiền 30.000.000 đồng đã nộp lại khắc phục hậu quả bị cáo chiếm đoạt.

+ Trả lại số tiền 23.000.000 đồng bị cáo Bằng giao nộp vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương cho bà Lại Thị O.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Minh B phải tiếp tục bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại, cụ thể như sau:

- + Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.278.248 đồng.
- + Bồi thường cho ông Nguyễn Văn L số tiền 5.348.984 đồng.
- + Bồi thường cho bà Nguyễn Thị M số tiền 5.984.007 đồng.
- + Bồi thường cho ông Trịnh Minh T số tiền 5.308.424 đồng.
- + Bồi thường cho bà Lại Thị Oanh số tiền 6.650.000 đồng.

[10] Đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Văn H. Anh H vắng mặt tại phiên tòa, các tài liệu lời khai trong quá trình điều tra của anh H đều thể hiện anh H không yêu cầu bị cáo Bằng phải trả lại số tiền Bằng đã chiếm đoạt, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H không buộc bị cáo bồi thường cho anh H.

[11] Ngoài ra, tài liệu điều tra xác định Trần Văn H có hành vi nhận tiền của bà Hoàng Thị C sinh năm 1968 và bà Bùi Thị R sinh năm 1952, đều trú tại thôn D, xã T, huyện Kiến Xương để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bà, cụ thể như sau: Tháng 8/2021, bà C và bà R đến UBND xã Trà Giang gặp B yêu cầu hướng dẫn làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất của hai bà có địa chỉ tại thôn D, xã Trà Giang. Bà R và bà C đã nộp các giấy tờ liên quan cho B. Tháng 10/2021, bà R và bà C gặp và nói chuyện với Trần Văn H về việc đang làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian lâu rồi mà chưa có kết quả. Bà R, bà C hỏi H có quen biết và nhờ người liên hệ làm giúp cho hai bà được không thì H đồng ý. Hai gọi điện cho Nguyễn Thành K sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã T, huyện Kiến Xương (là cán bộ tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Kiến Xương – Phòng giao dịch Lự, xã Nam Cao) nhờ K nộp giúp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Roi và bà C thì K đồng ý. Hai báo lại với bà R, bà C là đã liên hệ nhờ người nộp giúp hai bà, chi phí như thế nào thì sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ tính sau, bà R và bà C đồng ý. Bà R, bà C đã đến UBND xã T gặp cán bộ địa chính ông Đinh Văn T (là cán bộ địa chính chuyển công tác về xã Trà Giang thay B) để rút hồ sơ của hai bà về. Sau đó bà R, bà C đưa hồ sơ cho H, H đưa hồ sơ cho K. Tháng 2/2022, K đem hai hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R, bà C đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương nộp. Khi có thông báo nộp thuế thì Kiên thông báo cho H, H bảo bà R và bà C đưa cho H mỗi người 4.000.000 đồng để Hai đi nộp thuế thì hai bà đồng ý. Tháng 8/2022, Kiên thông báo với Hai đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Roi và bà Chanh thì Hai đến gặp bà R, bà C bảo hai bà đưa tiền để H đi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bà. Bà R, bà C đưa cho H mỗi người 7.000.000 đồng. Sau khi lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H mang đến đưa cho bà R và bà C, đồng thời nói với hai bà số tiền nộp thuế và lệ phí vẫn còn thừa, tuy nhiên bà R và bà C thống nhất số tiền thừa thì hai bà cho H để cảm ơn và chi tiền công xăng xe đi lại cho H chứ không lấy lại. Tổng số tiền Hai nhận của bà Roi, bà Chanh là 22.000.000 đồng, trong đó, H đã chi phí nộp thuế và lệ phí thẩm định hồ sơ hết 2.426.900 đồng. Số tiền còn lại là 19.573.100 đồng, H giữ lại mời K đi ăn uống và chi tiêu cho cá nhân hết. Do đó, hành vi của H và K không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý đối với H và K là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo Trịnh Minh B phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

1. Về tội danh: Bị cáo Trịnh Minh B (tức Trịnh Văn B) phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trịnh Minh B 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Được trừ đi 205 ngày (tạm giam từ ngày 08/6/2023 đến ngày 29/12/2023).

3. Về vật chứng: Buộc bị cáo Trịnh Minh B phải trả lại cho những bị hại, cụ thể:

+ Trả cho chị Nguyễn Thị T sinh năm 1975, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 7.500.000 đồng.

+ Trả cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 7.500.000 đồng.

+ Trả cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 7.500.000 đồng.

+ Trả cho ông Trịnh Minh T, sinh năm 1950, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 7.500.000 đồng.

+ Trả cho bà Lại Thị O, sinh năm 1949, trú tại thôn N, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 23.000.000 đồng.

(Vật chứng trên được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình quản lý).

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Minh B phải bồi thường cho những bị hại, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T sinh năm 1975, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 6.278.248 đồng.

+ Bồi thường cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 5.348.984 đồng.

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 5.984.007 đồng.

+ Bồi thường cho ông Trịnh Minh T, sinh năm 1950, trú tại thôn D, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương số tiền 5.308.424 đồng.

+ Bồi thường cho bà Lại Thị O, sinh năm 1949, trú tại thôn N, xã T, huyện Kiến Xương số tiền 6.650.000 đồng.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.478.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trịnh Minh B, bị hại là chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M, ông Trịnh Minh T bà Lại Thị O, anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Công an huyện Kiến Xương;
- THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn

